

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/LĐ-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Hiếu –Ủy viên ban thường vụ Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

2. Ông Đặng Văn Vững- Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-LĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 về việc: “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Trúc P, sinh năm: 1996, cư trú: Ấp B, T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, địa chỉ: Đường số C, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An.(vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Bùi Thị Thu L, sinh năm: 1992, cư trú: Ấp B, T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh L, địa chỉ: Số H, tuyến tránh, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. (có văn bản xin vắng)

3.3. Bảo hiểm xã hội thành phố H, địa chỉ: E, N, Phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (có văn bản xin vắng)

Người đại diện theo pháp luật: Lò Quân H, sinh năm: 1973, chức vụ: Giám đốc bảo hiểm xã hội thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Đặng Anh P1, sinh năm: 1986 (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2024, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Trúc P trình bày:

Bà Bùi Thị Trúc P, sinh ngày 22/9/1996 chưa đủ tuổi đi xin việc làm nên bà P mượn giấy chứng minh nhân dân của chị ruột là bà Bùi Thị Thu L, sinh ngày 25/10/1992 để ký kết hợp đồng lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là Công ty TNHH T). Bà P được Công ty TNHH T đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số 8011042201 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.

Bà Bùi Thị Thu L làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 (viết tắt là Công ty TNHH P2). Công ty TNHH P2 đã đóng bảo hiểm cho bà L theo sổ bảo hiểm số 7911130928 do Bảo hiểm xã hội thành phố H cấp.

Đến nay, khi bà L làm thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm thì được cơ quan bảo hiểm xã hội trả lời là bà L còn một sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012. Cơ quan bảo hiểm xã hội không giải quyết được chế độ bảo hiểm cho bà L.

Vì vậy bà P đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu quan hệ lao động giữa bà Bùi Thị Thu L với Công ty TNHH T trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012 theo ghi nhận của sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201 mang tên Bùi Thị Thu L do bảo hiểm xã hội tỉnh L; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến liên quan đến nội dung giải quyết vụ án dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu L trình bày: Năm 2011, bà P do không đủ tuổi đi làm cho Doanh nghiệp nên có sử dụng hồ sơ cá nhân của bà Bùi Thị Thu L để đi làm tại Công ty TNHH T. Trong hồ sơ xin việc thì tên là Bùi Thị Thu L nhưng hình ảnh trên hồ sơ của của bà Bùi Thị Trúc P. Bà P được Công ty TNHH T đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số 8011042201 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.

Bà Bùi Thị Thu L thống nhất để bà Bùi Thị Trúc P được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà P tại sổ bảo hiểm xã hội 8011042201 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012, mang tên Bùi Thị Thu L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quá trình tham gia BHXH, BHTN của bà Bùi Thị Thu L theo sổ sổ BHXH số 8011042201 được thể hiện tại phụ lục Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN kèm theo.

Căn cứ Quy trình thu BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT, hợp đồng lao động không được quy định là thành phần hồ sơ nộp kèm khi đơn vị sử dụng lao động đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHTNHLĐ, BNN cho người lao động, BHXH tỉnh L không có tài liệu để cung cấp.

Bảo hiểm xã hội tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đối với vụ việc trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố H có ý kiến: Qua kiểm tra dữ liệu đang quản lý, bà Bùi Thị Thu L có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố H, trên sổ sổ 7911130928 từ tháng 4/2011 đến tháng 2/2013, có đủ điều kiện xác nhận quá trình đóng Bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội thành phố H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đối với vụ việc trên.

Tòa án tiến hành hòa giải không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Bùi Thị Trúc P (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Bùi Thị Thu L) theo ghi nhận của sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201 do bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Bà P rút yêu cầu khởi kiện **hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201 mang tên Bùi Thị Thu L do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.** Bà P tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Trúc P tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Bùi Thị Trúc P (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Bùi Thị Thu L) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Bùi Thị Thu L theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011042201 thành tên Bùi Thị Trúc P

để bà P được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201; bà Bùi Thị Thu L hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 7911130928.

Bà Bùi Thị Thu L và Bùi Thị Trúc P được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

Bà P tự nguyện chịu án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Bà Bùi Thị Trúc P yêu cầu tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn T triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa mà vắng mặt đương sự này.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Căn cứ vào hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty TNHH T cho bà Bùi Thị Thu L do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cung cấp có nội dung bà Bùi Thị Thu L, sinh ngày 25/10/1992; Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp sổ bảo hiểm cho bà Bùi Thị Thu L có mã số sổ 8011042201, từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.

[2.2] Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội số 7911130928 thì bà L đăng ký đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN, tham gia từ tháng 4/2011 đến tháng 2/2013.

[2.3] Công ty TNHH T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng có liên quan, nhưng Công ty TNHH T không có ý kiến gửi đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty TNHH T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Qua chứng cứ nêu trên cơ sở xác định lời trình bày của bà P, bà L về việc bà P mượn chứng minh nhân dân của bà L để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là phù hợp. Đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH T là bà P chứ không phải là bà L. Bà P đã vi phạm quy tắc, nghĩa vụ của người lao động theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ; Công ty TNHH T chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động. Đây là hợp đồng vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu bà P được chấp nhận.

[2.5] Xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Do công ty TNHH T và bà Bùi Thị Trúc P không có yêu cầu gì liên quan đến quyền lợi trong hợp đồng nên không xem xét.

[2.6] Bà Bùi Thị Thu L thống nhất để bà Bùi Thị Trúc P được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà P tại sổ bảo hiểm xã hội 8011042201 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp, từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012, mang tên Bùi Thị Thu L nên Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Bùi Thị Thu L theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011042201 thành tên Bùi Thị Trúc P để bà P được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201; bà Bùi Thị Thu L hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 7911130928.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002;

Áp dụng Điều 15, Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Điều 10 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Áp dụng Điều 19, 21, 23 và Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Áp dụng Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Trúc P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về tranh chấp lao động.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Bùi Thị Trúc P (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Bùi Thị Thu L) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 10/2012.

2. Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh tên Bùi Thị Thu L theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011042201 thành tên Bùi Thị Trúc

P để bà P được hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 8011042201; bà Bùi Thị Thu L hưởng chế độ bảo hiểm theo sổ bảo hiểm xã hội số 7911130928.

Bà Bùi Thị Thu L và Bùi Thị Trúc P được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội nêu trên theo quy định.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc P tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí, bà P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013309 ngày 18/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, chuyển sang án phí.

4. Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân